

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/DS-ST
Ngày: 13/03/2019.
V/v tranh chấp: hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khoa.
2. Bà Trần Kim Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông ***Nguyễn Văn Quý*** - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2018/TLST-DS ngày 06/12/2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐST-DS ngày 04/03/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

Nguyên đơn: PHAN THỊ T – sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

Bị đơn: LÊ THỊ TUYẾT L – sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày: vào ngày 10/3/2018 AL chị Lê Thị Tuyết L có vay của bà số tiền 70.000.000 đồng với lãi suất 5%/ tháng, khi nào bà cần tiền sẽ báo trước chị Lê 01 tháng để chị L hoàn trả tiền cho bà. Đến ngày 20/3/2018 AL chị L tiếp tục vay của bà số tiền 10.000.000 đồng, lãi 5%/tháng, chị L hứa 01 tháng sau sẽ trả toàn bộ số tiền 80.000.000 đồng cho bà. Từ khi vay đến nay chị L

không trả cho bà số tiền vốn và lãi nào. Nay bà yêu cầu chị L trả lại bà số tiền 80.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn chị Lê Thị Tuyết L trình bày: chị là hàng xóm với bà T, chị có vay tiền của bà Phan Thị T cách này khoảng 3 năm, vay nhiều lần mỗi lần ít nhất là 5.000.000 đồng, nhiều nhất là 15.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, mục đích vay là để chăn nuôi vịt, có vay rồi trả, rồi lại vay tiếp. Đến ngày 20/3/2018 AL chị có vay 10.000.000 đồng lần cuối cùng. Khi vay có có viết biên nhận cho bà T, khi nào trả tiền thì xóa biên nhận. Đến ngày 23/7/2018 AL hai bên tổng kết nợ lại thì chị còn nợ lại bà T số tiền 80.000.000 đồng và hứa 3 tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nhưng đến hạn chị không có tiền nên thực hiện không đúng cam kết. Đến ngày 13/12/2018 chị có trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng. Tờ cam kết ngày 23/7/2018 AL là do Công an xã T viết, chị ký tên. Nay chị đồng ý trả lại bà T số tiền 70.000.000 đồng nhưng xin trả dần 04 tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 70.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa hôm nay

Nguyên đơn bà Phan Thị T yêu cầu chị Lê Thị Tuyết L trả lại số tiền vay là 70.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị Lê Thị Tuyết L chấp nhận trả cho bà Phan Thị T số tiền 70.000.000 đồng nhưng xin trả dần 04 tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 70.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T, buộc chị Lê Thị Tuyết L có trách nhiệm trả lại bà Phan Thị T số tiền vay là 70.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là hợp đồng vay tài sản.

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T là có cơ sở: vì bà Phan Thị T có cho chị Lê Thị Tuyết L vay nhiều lần tiền từ năm 2016 đến năm 2018. Đến ngày 23/7/2018 âm lịch giữa bà T và chị L tổng kết nợ lại thì chị L còn nợ bà T số tiền 80.000.000 đồng và chị L cam kết 3 tháng sẽ trả 20.000.000 đồng, nhưng đến hạn chị L không thực đúng cam kết nên bà T khởi kiện. Đến ngày 13/12/2018 chị L có trả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 70.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà T cung tờ giấy cam kết ngày 23/07/2018 và giấy mượn nợ có chữ viết và chữ ký của chị L. Phía chị L cũng thừa nhận còn nợ bà T số tiền 70.000.000 đồng và chữ ký trong tờ cam kết và giấy mượn nợ là của chị L. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà T và chị L đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, phía chị L đã

vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên cần buộc chị L có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về tiền lãi: bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét..

[3] Về thời gian trả: bà T yêu cầu trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này chị L để kéo dài không trả cho bà T đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, nên cần buộc chị L trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với ý kiến của chị L chấp nhận trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng, nhưng xin trả dần 04 tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 70.000.000 đồng. Xét ý kiến này của chị L là không có cơ sở như đã phân tích ở trên, đồng thời bà T cũng không chấp nhận cho chị L trả dần 4 tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 70.000.000 đồng. Do đó, ý kiến này của chị L không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 274, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T

Buộc chị Lê Thị Tuyết L có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị T số tiền vay là **70.000.000** đồng (bảy mươi triệu đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Chị Lê Thị Tuyết L phải chịu **3.500.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Phan Thị T **2.000.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai số 39845 ngày 20/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Báo các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh